

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-12-2022

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị L- Anh D”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Đoan.

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐHPT-ST ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ P, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986. (*Anh D bị tâm thần*)

Địa chỉ: Thôn V, xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

-Người đại diện cho Anh D: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1958 (*bố đẻ Anh D*)

Địa chỉ: Thôn V, xã Q1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(*Chị L có đơn xin xử án vắng mặt, Ông D1 vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Qu vào năm 2010, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh D tại xã Q1 và lao động tự do. Trong quá trình chung sống anh D bị bệnh tâm thần phân liệt, anh D thường xuyên chửi bới và đe dọa đánh đập chị làm cho chị hoảng sợ, vợ chồng không còn tình cảm. Năm 2016 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh D.

-Về con chung: Chị L khai chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 27/4/2011 đang ở với gia đình anh D do bố mẹ anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Người đại diện cho Anh D là ông Nguyễn Văn D tại biên bản ghi lời khai ông D trình bày: Ông xác nhận lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống giữa chị L và Anh D. Đối với anh D ông xác nhận anh D bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2009, hiện tại anh D được hưởng trợ cấp xã hội và được cấp thuốc điều trị hàng tháng. Nay chị L khởi kiện ly hôn, ông đề nghị Tòa án tác động giải thích để chị L trở về đoàn tụ. Về con chung Ông D xác nhận chị L và anh D có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 27/4/2011 hiện gia đình ông đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu ly hôn xảy ra ông có nguyện vọng giữ nguyên việc nuôi dưỡng như hiện nay. Về tài sản chung Ông D xác nhận chị L và Anh D không có tài sản chung. Ngoài ra Ông D còn đề nghị xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án: Về tố tụng: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn người đại diện hợp pháp cho bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh D vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng; Về con chung: Đề nghị xử giao con chung Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 27/4/2011 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị L khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Văn D. Anh D là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Thôn V, xã Q1, huyện Qu, nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là Anh D bị bệnh tâm thần phân liệt không có khả năng nhận thức, vì vậy ông Nguyễn Văn D1 là bố đẻ anh D là người đại diện hợp pháp cho anh D tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 134 Bộ luật dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn gửi Tòa án xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2. Người đại diện hợp pháp cho bị đơn đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Văn D được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Qu vào ngày 05/6/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống cùng gia đình anh D tại thôn V, xã Q1. Trong quá trình chung sống anh D bị bệnh tâm thần phân liệt không có khả năng nhận thức, anh D đã được bệnh viện tâm thần tỉnh Thái bình cấp sổ điều trị ngoại trú tâm thần, hàng tháng được Trạm y tế xã Q1 cấp thuốc điều trị và được hưởng trợ cấp xã hội. Xuất phát từ việc Anh D bị bệnh tâm thần dẫn đến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ năm 2016 chị L đã về quê ngoại sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, không hỏi han gì đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn khởi kiện ly hôn. Tại biên bản ghi lời khai ông D1 (bố đẻ Anh D) là người đại diện cho Anh D và xác minh UBND xã Q1 đề nghị Tòa án tác động đề chị L rút đơn trở về đoàn tụ vợ chồng, chăm sóc Anh D. Nếu chị L không đồng ý thì đề nghị Tòa căn cứ hiện trạng thực tế để giải quyết nguyện vọng của chị L theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng chị L giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị L và Anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh D là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 27/4/2011. Con chung hiện do gia đình Anh D trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Qua việc lấy lời khai, cháu Phúc có ý kiến xin được ở với gia đình ông Duyệt. Xét thấy chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung, hiện tại Anh D bị tâm thần không có khả năng lao động. Mặt khác nghĩa vụ nuôi con chung là trách nhiệm của bố, mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L, người đại diện hợp pháp cho Anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 27/4/2011 cho chị Trịnh Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004840 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị L và người đại diện hợp pháp cho anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã Q1.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC